TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07- 9- 2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Trung Nghĩa;

2. Bà Phạm Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa*: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1989 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 072/4 ấp S , xã T , huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Hải Đ , sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 256 khóm T , phường V , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2020, đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích D trình bày:

Năm 2010, chị Nguyễn Thị Bích D kết hôn với anh Huỳnh Hải Đ và được Ủy ban nhân dân xã V , huyện Vĩnh Châu (nay là phường V, thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/02/2010. Trong thời gian sống chung, vợ chồng chị có 01 (một) con chung là cháu Huỳnh Gia H (nữ) sinh ngày 08/4/2011. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát hiện cả hai không cùng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng không vui vẻ, hạnh phúc làm cho mâu thuẫn ngày càng chồng chất, tình cảm ngày càng phai nhạt, không thể hàn gắn được nữa, vợ chồng chị đã không còn sống chung từ tháng 6 năm 2014 đến nay. Nay, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích D yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Hải Đ .

- Về con chung: Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Gia H (nữ) sinh ngày 08/4/2011 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu H ; chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị D giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu Huỳnh Gia H , Đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đối với bị đơn Huỳnh Hải Đ : Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo thu thập được tài liệu, chứng cứ, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh Đ không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh Đ cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/6/2020, ngày 02/7/2020. Phiên tòa ngày 18/8/2020, bị đơn anh Đ vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn anh Huỳnh Hải Đ , trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị D được ly hôn với anh Huỳnh Hải Đ ; giao cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Đ không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị D khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Đ và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị D được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Huỳnh Hải Đ đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Huỳnh Gia H cũng như việc không phản đối của anh Đ ; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị D về việc kết hôn với anh Đ được

Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Châu (nay là phường V , thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/02/2010 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị D và anh Đ đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay anh, chị đã không còn sống chung; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau. Như vậy, chị D và anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Đ .

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Huỳnh Gia H đã trên 7 tuổi hiện đang sống cùng với chị D và có nguyện vọng muốn sống với mẹ, đồng thời chị D cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến đủ 18 tuổi. Về phía anh Đ , suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo cho anh Đ biết được nguyện vọng của cháu Huỳnh Gia H nhưng anh Đ không có ý kiến gì nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Gia H (nữ) sinh ngày 08/4/2011 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu H ; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích D được ly hôn với anh Huỳnh Hải Đ .

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Gia H (nữ) sinh ngày 08/4/2011 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu H . Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị D , về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chị D nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Huỳnh Gia H , chị D có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh Đ có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích D phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003841 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Huỳnh Hải Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND phường V , thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU